

# VUA DUY TÂN NƠI ĐẤT KHÁCH

*(Ghi theo lời kể của Joseph Roger Vĩnh San, vị hoàng tử út của vua Duy Tân)*

Tôi sinh ngày 18-4-1938 tại Réunion, một hòn đảo thuộc địa của Pháp nằm giữa Ấn Độ Dương. Đây vốn là một quả núi lửa mọc lên từ đáy biển, cao 3.000m so với mặt nước biển, cách phía Đông của Madagascar 700 km, cách Mauritius 200 km về phía Tây Nam. Réunion có chiều dài 63 km, rộng 45 km, diện tích khoảng 2.517 km<sup>2</sup>, dân số chưa đến một triệu người, hiện thuộc quyền sở hữu của Pháp. Những người dân ở đây sống chủ yếu ở vành đai chân núi, một số nhỏ ở sườn núi. Vào mùa mưa, đất đá ở thân núi thường sạt lở từng mảng. Dân chúng ở đảo tự gọi mình là Réunionnais hay Créoles. Ngày tôi sinh đúng vào ngày bão giạt, mưa giông, sấm chớp đùng đoàng, biển động dữ dội. Cha tôi bảo: "Số thẳng này sau này vất vả, gian truân lắm đây".

Cha tôi bị đày ra đảo La Réunion vào ngày 20-11-1916, lúc ông mới 17 tuổi. Chia sẻ số phận lưu đày cùng cha tôi có thân phụ Hoàng thân Bửu Lân, tức vua Thành Thái, 37 tuổi, thân mẫu Hoàng Thị Định, hiền thê Mai Thị Vàng, em trai Hoàng thân Vĩnh Chuôn và em gái, công chúa Lương Nhân cùng những người phụ tá. Lúc đặt chân lên đảo từ con tàu Guadiana, chỉ có cha tôi và ông nội mặc âu phục còn tất cả những người khác đều mặc đồ Việt Nam.

Vừa đến đảo, cha tôi bị ốm nặng, phải đi nghỉ ở vùng Hell Bourg một thời gian, trước khi trở lại thành phố Saint Dennis, đảo Réunion. Cha tôi đã phải thay đổi nhà nhiều lần, toàn là nhà đi thuê chứ không có đủ tiền để mua nhà, biệt thự như nhiều vị vua chúa các nước khác cũng bị lưu đày ở đây. Bởi chính phủ Pháp trợ cấp cho ông mỗi tháng một số tiền khá nhỏ nhưng không khi nào ông chịu tự hạ mình phàn nàn hay xin tăng lương. Vì đời sống quá kham khổ, khí hậu ở đảo lại khắc nghiệt, cộng với nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, bà nội tôi và Hoàng phi Mai Thị Vàng đã xin được hồi hương. Từ bấy, cha tôi sống một mình nơi đất khách quê người.

Cũng cần nói thêm rằng, tuy cùng bị lưu đày với vua cha Thành Thái ở đảo Reunion nhưng cha tôi không sống cùng ông bởi những bất đồng không giải quyết được trong quan điểm cứu nước. Đó là mâu thuẫn lớn nhất của hai cha con. Thế nhưng không vì thế mà tình cảm của cha tôi dành cho vua cha Thành Thái bị sút mẻ. Ông luôn dạy chúng tôi phải biết hiếu lễ, ngoan ngoãn với ông nội. Hàng tuần, ông đều dặn mẹ tôi nấu súp mang sang biếu cha.

Mẹ tôi tên là Fernande Aniter, sinh năm 1913 trong một gia đình người Pháp nhưng đã sinh sống lâu đời ở đảo Reunion bằng việc mở một tiệm cơm bình dân chuyên phục vụ cho học sinh và những người có thu nhập thấp. Cha tôi sống độc thân trong một căn nhà nhỏ, vừa học tập trau dồi

kiến thức, vừa mở cửa hàng sửa chữa vô tuyến điện để kiếm sống. Ông là người rất ham mê máy móc kỹ thuật, nhất là kỹ thuật truyền tin. Vì vậy, chính quyền đảo La Réunion đã đặt ông thiết lập một hệ thống truyền tin đầu tiên trên đảo thời bấy giờ.

Do khoản thu nhập và trợ cấp eo hẹp nên ông không có điều kiện để thuê người giúp việc. Ông ăn mặc và sinh hoạt giản dị như bao người dân bình thường khác ở đảo. Ông không biết tự nấu nướng. Với thu nhập khiêm nhường của mình, ông thường qua quán cơm thán của gia đình mẹ tôi ăn cơm rồi dần trở thành khách quen. Từ đó, ông nảy sinh tình cảm với mẹ tôi, khi ấy bà mới tròn 15 tuổi.

Mẹ tôi tuy kém cha tôi 13 tuổi nhưng hai người lại rất tâm đầu ý hợp. Ở đảo Réunion, cha tôi dành rất nhiều thời gian để học luật và các tri thức khác. Ông cũng là người có năng khiếu âm nhạc đặc biệt. Ông chơi violon rất giỏi nên có chân trong ban nhạc đại hòa tấu tại Saint Denis. Không những thế, ông còn viết văn, nuôi ngựa và đua ngựa. Ông đã từng giât giải nhất trong cuộc thi đua ngựa lớn nhất toàn đảo. Ở trường đua ngựa, ông và Hoàng thân Vĩnh Chuôn, tuy người nhỏ con (cao 1m51, nặng 41kg) lại là hai nài kiện tướng, quần chúng thường hoan hô cha tôi ông là "Vua Tàu". Ông học đánh kiếm và đánh rất giỏi. Ông chú trọng về nghệ thuật quân sự. Trong suốt thời kỳ chiến tranh thế giới, ông luôn găm bản đồ trên tường tiệm hàng để theo dõi chiến sự. Nhiều lúc, ông hùng hồn giải thích chiến trận làm lóa mắt cử tọa kính cẩn ngồi nghe.

Say mê văn chương Pháp, ông đọc rất nhiều sách, sáng tác thơ ca. Ông có nhiều bài được đăng trên tờ báo Le Peuple (Dân chúng), Le Progrès (Tiến bộ) với bút danh Georges Dry. Ông cũng thích viết văn xuôi lãng mạn. Trong bài Tiếng nói của vạn vật, ông bắt đầu với những câu: "Tôi thích tiếng thì thầm của cơn gió nhẹ khi nó hát hay khóc trong các cành cây. Tôi thích những lời tâm sự du dương của gió với cây trong rừng, với sóng dưới biển, với sao trên trời. Nhưng hơn nữa, ru ngủ tôi, làm tôi say mê, khoái trá là tiếng gọi của đại dương, lời rên rỉ vạn năng vang lên trong cảnh đêm im lặng như một bài tụng ca vô tận". Rồi ông kết luận: "Tiến lên Thượng đế, đây là mục đích đời bạn và của mọi đời sống khác. Bạn nên học yêu thương, đây là bí quyết của hạnh phúc. Bạn nên học đau khổ, đây là bí quyết của sự thanh lọc, của cuộc tiến lên ánh sáng. Đau khổ là chị em của vui sướng. Hai mặt giữ thăng bằng, bổ sung nhau và tô điểm nhau. Bạn nên học tự biết mình và chế ngự những sức mạnh tiềm tàng và ẩn kín. Từ đây, bạn khám phá ra bí mật của vũ trụ và những quyền lực đã chi phối. Sự huy hoàng của sự nghiệp thần thánh sẽ tiết lộ ra ngay trong lòng bạn và trong mọi mặt".

Trong bài Variations sur une lyre brisée (Những biến tấu của một cây đàn gảy vỡ) được Giải nhất văn chương của Viện hàn lâm khoa học và văn chương La Réunion (1924), ông tâm tình: "Ở một

vài đầu óc, nếp cũ hoài nghi, thói quen mĩa mai ngay cả chính mình, làm khó mọi chi phối xúc cảm. Trong cuộc phòng vệ có đạo đức, hoài nghi là mang một vỏ sắt, mĩa mai là vận dụng một cái khiên. Nhưng ta không thể luôn được bảo vệ; đến một lúc, khi ta tưởng được an toàn, khi ta lột bỏ áo giáp mà ta đã kiên cường chịu đựng với một nụ cười, đây là khi ta rất nhạy cảm với một vết châm cũng như với một cái vuốt dù nhỏ nhẹ".

Ông là thành viên Hội khoa học, văn chương và nghệ thuật La Réunion. Bà Hội trưởng Eléonora Revest đánh giá ông là một người có học thức, một nhà diễn thuyết hùng biện. Chính trí tuệ, sự thông minh, hiểu biết của ông đã chinh phục được mẹ tôi, khi ấy là thiếu nữ Fernande Antier nhan sắc nổi tiếng cả phố. Năm 1925, cha tôi có gửi cho Hội đồng hoàng tộc một bức thư kèm đơn ly dị và xin Hội đồng hoàng tộc chứng nhận để bà Mai Thị Vàng đi lấy chồng khác, lúc này bà 27 tuổi. Nhưng bà Vàng một lòng thủ tiết cho đến cuối đời và thường ngâm: "Gìn vàng giữ ngọc cho hay/ Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời".



*Vua Duy Tân tham gia hoạt động của Mặt trận Bình dân Pháp (Tuổi Trẻ)*

*(Chỗ này Tuổi Trẻ rất sai vì Mặt Trận Bình Dân Pháp chỉ "sống" có 2 năm (5/1936-4/1938)*

*trong khi Vua Duy Tân chỉ đến Pháp trong hay sau Thế Chiến 2, 1945)*

[https://fr.wikipedia.org/wiki/Front\\_populaire\\_\(France\)](https://fr.wikipedia.org/wiki/Front_populaire_(France))

Sau khi gửi đơn ly hôn về cho Hoàng phi Mai Thị Vàng được 3 năm, cha tôi kết hôn với mẹ tôi. Đám cưới diễn ra giản dị tại đảo Réunion, với sự góp mặt của người dân trên đảo và cả ông nội

tôi, cựu hoàng Thành Thái. Tuy đám cưới đã diễn ra nhưng vì Hoàng phi Mai Thị Vàng không đồng ý ly hôn nên cuộc hôn nhân của cha mẹ tôi vẫn chưa được nhà thờ công giáo ở đảo Réunion công nhận. Chính vì thế mà sau này, bốn anh em chúng tôi đều mang họ mẹ. Phải mãi về sau, khi cha tôi qua đời năm 1946, tòa án ở Réunion mới xem xét lại và đồng ý để chúng tôi chuyển sang họ cha.

Cha mẹ tôi sinh hạ được 8 người con nhưng chỉ nuôi được 4 người. Đó là chị gái lớn, Hoàng nữ Rita Suzy Georgette Vĩnh San (6-8-1929); Hoàng tử Guy Georges Vĩnh San (31-1-1933); Hoàng tử Yves Claude Vĩnh San (8-4-1934) và tôi. Lúc còn nhỏ, anh em chúng tôi rất sợ cô Lương Nhân bởi cô rất nghiêm khắc. Anh Georges thường hay bị đòn roi của cô. Nhưng cha tôi còn nghiêm khắc hơn. Ngày ngày, cha tôi làm việc ở căn phòng nhỏ tầng 1, nơi ông mở một tiệm sửa chữa máy móc cho cư dân trên đảo, kiếm tiền nuôi vợ con. Tiệm có tên là La Radio Laboratoire Vinh San. Anh em chúng tôi không bao giờ dám bén mảng đến căn phòng đó. Bữa ăn cơm, chúng tôi cũng không dám nói chuyện, cười đùa. Cha tôi rất ít nói. Mỗi lần kể về người, trong tôi vẫn còn lưu dấu một nỗi buồn u uẩn của một con người, một vị vua sa cơ thất thế phải sống kiếp lưu đày.

Cha tôi không có một ưu đãi vật chất nào trong những tháng ngày trên đảo. Nơi ở của ông không có lò sưởi, vòi nước tắm, thậm chí cả bồn rửa mặt. Nhưng ông vẫn vui vẻ sống. Ông ít giao thiệp với người Pháp. Chính quyền hoàn toàn quên bỏ ông. Ông chỉ giao du với một nhóm bạn bè. Ông thích trèo núi, đi câu, không ngần ngại bắt chuyện với những người ngồi câu bản xứ, phần nào cũng giúp khuây khỏa nỗi nhớ thuở: "Chiều chiều trước bến Văn Lâu. Ai ngồi, ai câu, ai sậu, ai thăm". Nghiêm khắc nhưng cha tôi rất yêu thương vợ con, yêu thương một cách kín đáo. Khéo tay, tự ông làm đồ chơi cho chúng tôi như những hình tượng trong truyện "Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn". Vì thế, anh em chúng tôi vẫn gọi ông bằng cái tên thân mật Dede (Bố), biến âm của những danh từ Âu Mỹ Daddy, Papa. Ngoài việc trao đổi sinh hoạt bình thường trong gia đình, ông rất ít khi thổ lộ tâm tư tình cảm, nhất là chuyện đất nước, chính sự với vợ con. Ông không bao giờ nói chuyện về Việt Nam với những người dân trên đảo Réunion và kể cả với vợ mình. Có lẽ bởi do chúng tôi sinh ra vào thời điểm đặc biệt nên cha tôi không tiết lộ danh phận, gốc gác để bảo đảm an toàn cho con cái mình. Song cũng có đôi lần ông thổ lộ với mẹ tôi rằng: Ông lúc nào cũng khao khát thoát khỏi Réunion, thoát khỏi tay người Pháp để trở về Việt Nam, tìm cách cứu nước.

## **CÁI CHẾT BÍ ẨN CỦA VUA DUY TÂN VÀ CUỘC TRỞ VỀ MUỘN MÀNG CỦA ÔNG VUA YÊU NƯỚC SAU 70 NĂM BỊ LƯU ĐÀY**

Ngay từ năm 1927, cha tôi đã tham gia Hội địa phương bảo vệ nhân quyền và quyền công dân, đồng thời có chân trong Hội kín Franc-Maconnerie (Hội Tam Điểm), hội của những người thông thái và bác ái, ở nhiều quốc gia khác nhau muốn hiến thân cho sự vươn lên về phương diện tinh

thần và luân lý. Nó khuyến khích thành viên hành động vì sự tiến bộ nhân loại. Trong một thông điệp gửi cho Hội, cha tôi đã viết mở đầu như thế này: *"Chúng ta đang trải qua những giờ phút nghiêm trọng. Khắp mọi nơi trên hành tinh, nhiều triệu chứng, có khi ít được nhận thức, chứng tỏ nhân loại đạt đến ngưỡng đòi hỏi phải thay đổi chiều hướng trên con đường phát triển mà chính ngay những triết gia vĩ đại nhất cũng khó lòng miêu tả một cách kiên quyết nếu họ ý thức khả năng sai lầm của chủng loại chúng ta"*. Rồi ông kết luận: *"Hy vọng rồi một ngày, nhờ công tác của các bạn, Hội sẽ chiến thắng những hận thù giữa con người và giữa các nước, đồng thời hợp nhất nhân loại trong một tình huynh đệ trong sáng bằng cách bãi bỏ mãi mãi mọi tương phản giữa các giai cấp và các chủng tộc"*.

Cha tôi đã công khai nói đến tự do, không ngần ngại đề cao tinh thần dân chủ, giải phóng dân nghèo tại một hòn đảo mà quyền hành nằm gọn trong tay một chính thể quý tộc. Song ông lại ngậm cảm về quá khứ của mình, về những ước mong cho tương lai đất nước Việt Nam, về triều đại nhà Nguyễn.

Chỉ có một lần duy nhất trong đời, ngày 5-6-1936, cha tôi đã viết một lá đơn gửi cho ông Bộ trưởng bộ thuộc địa, kể lại cuộc khởi nghĩa cùng Việt Nam Quang phục Hội vào ngày 3-5-1916 và vai trò bất đắc dĩ của ông với mục đích xin được ân xá. *"Tôi đứng trước trường hợp phải chọn giữa hai đường: Hoặc mặc để ám sát người Pháp và rồi dự một cuộc trấn áp đẫm máu hoặc tố cáo những đồng bào của tôi và phạm một cử chỉ hèn hạ. Để thoát ra trường hợp đau xót ấy, tôi chỉ còn một phương cách: Nhận làm chỉ huy cuộc khởi nghĩa"*. Lá đơn ấy của cha tôi đã không được hồi âm. Suốt những năm tháng ở đảo La Réunion, cha tôi luôn nuôi hy vọng trở về Việt Nam để làm được một điều gì đó cho đất nước. Có ít nhất 4 lần cha tôi được một số người đề nghị cùng trốn khỏi đảo để trở về Việt Nam nhưng cha tôi đều từ chối. Bởi người muốn về một cách công khai, đàng hoàng.

Cha tôi là người cầu tiến, ham học hỏi. Ông là người tiên phong tiếp cận với kỹ thuật vô tuyến điện trên hòn đảo heo lánh này và đã tham gia xây dựng đài thu phát truyền tin đầu tiên ở đây. Hiện nay, tại nơi này, vẫn còn lưu dấu ấn của cha tôi bằng việc chính quyền sở tại xây một cây cầu nhỏ mang tên ông và đến năm 1992, thành phố Saint-Denis, nơi cả gia đình tôi trú ngụ ngày xưa (số 67 Sainte-Anne), đã khánh thành đại lộ Duy Tân.

Cha tôi rất say mê chơi thể thao, rèn luyện sức khỏe và học tập không ngừng để mở mang trí tuệ. Nhưng niềm say mê lớn nhất của ông chính là vô tuyến điện. Bởi ngành kỹ thuật này không chỉ giúp cha tôi nuôi sống cả gia đình mà còn là phương tiện duy nhất giúp ông liên lạc được với thế giới bên ngoài. Rất tinh thông trong ngành vô tuyến điện nhờ đã tự học thêm, ông có viết nhiều

bài kỹ thuật trong các báo chuyên môn và tiếp xúc với nhiều chuyên viên vô tuyến nghiệp dư các nước khác qua tín hiệu FR8VX. Ngay chính quyền địa phương cũng nhờ ông dựng một đài thu phát cho đảo. Nhờ có máy mạnh, ông đã bắt được những đài quốc tế, từ Delhi, Sài Gòn qua Tokyo, Melbourne, ngay cả những đài bên Mỹ. Nhờ đó mà vào ngày 18-6-1940, cha tôi đã nghe được bản tin hiệu triệu của tướng Charles De Gaulle - người đứng đầu của tổ chức chống Phát xít Đức mang tên Pháp tự do, ở đài BBC trong chương trình "Tiếng nói của nước Pháp". Sự việc nước Pháp bại trận trong chiến tranh thế giới thứ hai, đầu hàng phát xít Đức và sau đó lực lượng kháng chiến Pháp ở hải ngoại do tướng Charles De Gaulle đứng đầu được thành lập ở Anh trở về tái chiếm đất Pháp đã có tác động rất lớn đến tư tưởng, tình cảm của cha tôi. Ông xem Charles De Gaulle là thần tượng, là hình mẫu cho hoạt động cứu nước của mình. Lập tức ông nổi liên lạc với nước Pháp tự do và tìm cách chuyển tin cho quân đội Pháp chưa đến đảo. Nhờ ông mà nhóm người kháng chiến ở đảo theo dõi được diễn biến của cuộc thế chiến thứ hai và nhất là những bước tiến của quân Đồng Minh. Ông trở thành linh hồn của nhóm kháng chiến ở đảo. Vụ việc đổ bể, ông bị nhà cầm quyền La Réunion (lúc đó theo Chính phủ Vichy) bắt giam sáu tuần, từ ngày 7-5 đến ngày 19-6-1942.

Sau ngày giải phóng, chính phủ nước Pháp tự do, qua đề nghị của ông Capagorry, Thống đốc mới, không quên công lao của cha tôi, đã tặng thưởng ông Huy chương kháng chiến với phù hiệu. Trong thư cảm ơn Tướng De Gaulle, cha tôi viết: *"Khi tiếp nhận tôi trong số những người không chấp nhận nước Pháp bị hạ thấp vì thua một trận, ông đã làm vinh dự tôi, khiến tôi gắn bó nhiều hơn nữa, với lời thề phụng sự một Tổ quốc đã cho tôi thừa kế một gia sản tinh thần"*.

Ngày 28-11-1942, khi chiếc khu trục hạm Léopard dưới quyền của ông thuyền trưởng Richard cập bến Saint-Denis, cha tôi đã tình nguyện nhập ngũ. Ông phó thuyền trưởng Baraquin thấy cha tôi có nhiều kiến thức về vô tuyến điện, nhận ngay ông làm hạ sĩ vô tuyến. Vài ngày sau, khi tàu rời bến, cha tôi đã bận đồ thủy thủ rời đảo La Réunion, chấm dứt 26 năm biệt xứ và mở một trang sử mới cho đời ông.

Ba tháng phục vụ với cấp bậc hạ sĩ vô tuyến, cha tôi bị giải ngũ vì lý do sức khỏe. Sau nhờ thống đốc La Réunion là ông A. Capagory can thiệp, cha tôi gia nhập bộ binh Pháp dưới quyền của tướng Catroux với cấp bậc binh nhì. Một thời gian sau, ông được thăng lên chuẩn úy rồi sang châu Âu. Ngày 5-5-1945, cha tôi được lệnh chuyển về phòng Quân sự của tướng Charles De Gaulle ở Paris. Ngày 20-7-1945, ông được đưa qua phục vụ tại Bộ tham mưu của Sư đoàn 9 Bộ binh Thuộc địa đóng ở Foret Noire, nước Đức. Ngày 29-10-1945, tướng Charles de Gaulle ký một sắc lệnh hợp thức hóa những sự thăng cấp liên tiếp của cha tôi trong Quân đội Pháp: Thiếu úy từ ngày 5-12-1942, Trung úy từ ngày 5-12-1943, Đại úy tháng 12-1944 và Thiếu tá ngày 25-9-1945.

Việc cha tôi, một ông vua đã từng nổi dậy chống chính quyền thuộc địa Pháp thống trị nước ông, bây giờ lại chạy theo ông tướng lưu vong Charles De Gaulle muốn giải phóng nước Pháp khỏi cuộc chiếm đóng của phát xít Đức khiến nhiều người xem đây là một trường hợp oái ăm, một trong những mâu thuẫn lớn nhất trong đời Hoàng thân Vĩnh San. Bởi "nước Pháp tự do" và nước Pháp thực dân mà ông chống đối đều là một nước Pháp. Nhưng thật ra, cha tôi chỉ tranh đấu giành tự do độc lập cho một quốc gia, một dân tộc, dù là Việt Nam hay Pháp. Tinh thần này ông đã có từ lâu, có thể ngay từ những ngày thụ giáo ông thái phó Eberhardt, tiến sĩ khoa học, ở kinh đô Huế. Tuy nhiên, nhiều người lại cho rằng, cựu hoàng Duy Tân đã bị dùng như một con bài chính trị trong kế hoạch mật tái chiếm Đông Dương của Pháp.

Ngày 14-12-1945, tướng Charles De Gaulle đã tiếp cha tôi. Trong tập "Hồi ký chiến tranh", tướng De Gaulle ghi: "Tôi sẽ tiếp Cựu hoàng (Vĩnh San) và sẽ cùng ông xét xem chúng tôi sẽ làm được những gì? Đó là một nhân vật đầy cương nghị. Mặc dù bị lưu đày ròng rã 30 năm trời, hình ảnh của ông không hề phai mờ trong tâm hồn của dân tộc Việt Nam".

Trong tác phẩm "Histoire du Việt Nam de 1940 à 1952" (Lịch sử Việt Nam 1940-1942), sử gia Philippe De Villers nhận xét: "Bảo Đại đã thoái vị và bị phê bình nghiêm khắc. Nhưng lần này, người được chú ý chính là nhân vật tiền nhiệm, Duy Tân. Bị lưu đày năm lên 16 tuổi, ông đã đầu quân vào Không lực Pháp và tham gia các cuộc chiến đấu ở Pháp và Đức. Ông đã trình bày chính kiến với Chính phủ Pháp và với một trung úy của Quân đoàn I sắp qua Đông Dương là ông Bousquet, cựu chánh văn phòng của Tổng trưởng Abel Bonnard".

Một bạn thân của cha tôi là E.P Thébault kể lại trong bài "Số phận bi thảm của một hoàng đế An Nam: Vĩnh San - Duy Tân" đăng trên Revue France-Asie, năm 1970: "Trở lại Paris ngày 16-12-1945, tôi thấy Ngài mặc một bộ đồ nhà binh rất đẹp, có gắn bốn lon. Bây giờ Ngài trọ ở khách sạn Louvres, trước hý viện Pháp. Ngài nói: *"Như vậy là xong rồi, quyết định rồi! Chính phủ Pháp sẽ đặt tôi lại trên ngôi Hoàng đế Việt Nam. Tướng De Gaulle sẽ theo tôi trở về bên đó (Việt Nam) vào những ngày đầu tháng 3-1946"*. Từ nay tới đó, người ta sẽ chuẩn bị dư luận của Pháp cũng như quốc tế và Đông Dương. Và lại, cũng còn cần phải dự thảo các bản thoả ước giữa hai chính phủ nữa".

Trong hồi ký "Bên dòng lịch sử 1940-1965", linh mục Cao Văn Luận ghi lại rằng, mùa đông 1944 và đầu năm 1945, cùng với một số du học sinh Việt và Việt kiều, ông có tiếp xúc ba lần với cha tôi ở Paris. Lần đầu, cha tôi giải thích: *"Người Pháp đang cần sự hợp tác của chúng ta để tái chiếm Đông Dương. Họ có thể chấp nhận cho ta thành một quốc gia tự trị trong Liên hiệp Pháp. Điều đó không trái với quyền lợi quốc gia. Dần dà chúng ta đòi thêm quyền hành. Chúng ta biết làm gì"*

*hơn trước binh lực hùng hậu của Pháp và hậu thuẫn của đồng minh Tây phương? Chúng ta đã thấy những gương chống Pháp và tôi đây là nạn nhân của một lối chống nóng nảy, vụng về. Rồi đất nước chúng ta phải chịu một cảnh chiến tranh tàn khốc mà kết quả chưa biết là thắng hay bại".*

Lần thứ hai, cha tôi tâm sự: *"Riêng về phần tôi, lòng yêu quê hương Việt Nam không cho phép tôi để ngỏ cửa cho một cuộc tranh chấp nội bộ nào. Điều mà tôi mong muốn là tất cả các con dân Việt Nam ý thức được rằng: Họ là một quốc gia và ý thức ấy sẽ thúc đẩy họ dựng lên một nước Việt Nam xứng đáng là quốc gia. Tôi tưởng rằng tôi sẽ làm tròn bổn phận của một công dân Việt Nam khi nào mà tôi làm cho những người nông dân Lạng Sơn, Huế, Cà Mau ý thức được tình huynh đệ của họ. Nghĩa hợp quần ấy được thực hiện dưới bất cứ chế độ nào: Cộng sản, xã hội chủ nghĩa, bảo hoàng hay quân chủ. Điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là phải cứu dân tộc Việt Nam khỏi cái họa phân chia".*

Suốt đời mình, cha tôi chỉ mong ước duy nhất một điều, đó là được trở về Việt Nam và tìm cách giúp nhân dân Việt Nam thoát khỏi sự thống trị của thực dân Pháp. Năm 1945, Thực dân Pháp đã dự định sử dụng ông như một quân cờ để quay lại tái chiếm Đông Dương. Nhưng sau này, người Pháp nhận ra, sau gần 30 năm lưu đày, cựu hoàng Duy Tân vẫn là người yêu nước, muốn chống Pháp và muốn giành quyền tự quyết cho dân tộc, nên thực dân Pháp đã từ bỏ ý định đưa ông về Việt Nam. Bộ thuộc địa đã phê trong tờ lý lịch cá nhân của cha tôi (được giải mật sau này): *"Parait difficile à acheter, extrêmement indépendant...intrigue pour quitter la Réunion et rétablissement trône d'Annam"*. (Có vẻ khó mua chuộc, rất độc lập, mưu đồ rời khỏi đảo La Réunion để tái lập ngôi báu ở An Nam). Cũng vì lẽ đó mà cha tôi đã không có cơ hội hồi hương như ước mơ của ông suốt những năm tháng bị lưu đày.

Trong những tháng năm phục vụ cho quân đội Pháp, cha tôi vẫn hết lòng quan tâm, lo lắng cho anh em chúng tôi. Ông thường xuyên gửi thư về, dặn dò anh em chúng tôi đủ điều. Trong một bức thư viết cho anh Yves Claude Vĩnh San vào ngày 17-11-1945, ông nói: *"Con đừng đi học mà đem về những điểm số yếu kém vì đối với người cha già đang yêu quý con đây thì cái cách duy nhất mà con cần bày tỏ là học cho thật giỏi và ăn ở tốt. Không có ngày nào mà cha không nghĩ đến con. Con nên biết rằng, giờ đây, con là con trai của một vị chỉ huy quân đội Pháp. Con nên sống xứng đáng với tình cảm mà cha mẹ đã dành cho con. Lần sau cha sẽ viết thư dài cho con. Trừu mến hôn con. Dede"*.

Ngày 24-12-1945, cha tôi lên chiếc phi cơ Lockheed C-60 của Pháp cất cánh từ sân bay Bourget, Paris để trở về La Réunion thăm gia đình trước khi thi hành sứ mạng mới ở Việt Nam. Nhưng trên



đường về, chiếc máy bay đã gặp một tai nạn rất khó hiểu, rớt gần làng Bassako, thuộc phân khu M'Baiki, Cộng hòa Trung Phi khiến ông cùng 5 người có mặt trên chuyến bay tử nạn.

Theo nhiều người, đây có thể là một vụ mưu sát. Bởi việc cha tôi trở lại Việt Nam sẽ gây khó khăn cho Anh trong việc trao trả các thuộc địa. Cũng trong bài "Số phận bi thảm của một hoàng đế An Nam: Vĩnh San - Duy Tân", E.P Thébault viết: "Ngày 17-12-1945, mười hôm trước khi tử nạn, Duy Tân có linh cảm tính mạng ông bị đe dọa. Khi cả hai đi ngang, lần chót, vườn Tuileries, cựu hoàng nắm tay Thébault nói: *"Anh bạn già Thébault của tôi ơi! Có cái gì báo với tôi rằng tôi sẽ không trị vì. Anh biết không, nước Anh chống lại việc tôi trở về Việt Nam. Họ đề nghị tặng tôi 30 triệu quan nếu tôi bỏ ý định ấy"*.

Mãi đến ngày 28-3-1987, hài cốt của cha tôi mới được gia đình đưa từ M'Baiki, Trung Phi về Paris làm lễ cầu siêu tại Viện quốc tế Phật học Vincennes và sau đó đưa về an táng trọng thể tại An Lăng, Huế, cạnh nơi an nghỉ của vua cha Thành Thái, chấm dứt hành trình lưu đày 70 năm ở xứ người của một ông vua yêu nước thất cơ lỡ vận. Lúc đưa hài cốt cha tôi về Huế, Nhà nước rất nhiệt tình giúp đỡ và nhiều vị quan chức cao cấp đã đến nghiêng mình, thấp nhang trước bàn thờ cha tôi. Từ bấy, anh em chúng tôi thường xuyên về Việt Nam để thăm phần mộ vua cha.



**Vua Duy Tân trong triều phục nhà Nguyễn (Tạp Chí Sông Hương)**

Viết về cuộc trở về của cha tôi, nhà thơ Nguyễn Duy đã có những vần thơ giản dị mà thấm thía, da diết:

## **VIẾNG VUA DUY TÂN**

*Ước gì về được Sông Hương  
Thấp nhang mà lạy nắm xương lưu đầy  
Thế là đã trở về đây  
Một con người ở chân mây cuối trời  
Nắm xương lưu lạc xứ người  
Tâm hồn thì vẫn ở nơi quê nhà  
Ngai vàng vừa cũ vừa xa  
Ánh vàng vương miện cũng là hư không  
Mặt trời vẫn mọc đằng Đông  
Lăng Minh Quân vẫn ở trong lòng người  
Bao triều vua phé đi rồi  
Người yêu nước chẳng mất ngôi bao giờ...  
(Nguyễn Duy)*

Trở lại cái chết thảm khốc của cha tôi trong vụ tai nạn máy bay đầy bí ẩn ngày 26-12-1945 trên bầu trời tỉnh Lobaye, thuộc Trung Phi mà nhiều người nghi ngờ cha tôi bị ám sát. Trước đó, hay tin cha tôi lên máy bay trở về đảo La Réunion để đón Giáng sinh và năm mới cùng gia đình, cả nhà tôi náo nức đến mức suốt đêm không ngủ. Máy anh chị em chúng tôi nóng lòng gặp cha để đón nhận quà giáng sinh.

Noel năm ấy, mẹ tôi trang hoàng cây thông thật đẹp. Căn nhà sáng trưng bởi nến và những bóng đèn màu. Đêm Noel, cả nhà quây quần chờ cha về nhưng chờ mãi không thấy. Mẹ ra ngõ vào trông. Bọn trẻ chúng tôi cũng nhấp nhồm không yên. Hết chạy vào nhà nhìn đồng hồ lại chạy ra đường ngóng cha. Mãi mấy ngày sau, chúng tôi mới nhận được hung tin, máy bay của cha bị nạn và cháy ở Trung Phi. Mẹ tôi khóc ngất lên ngất xuống. Máy anh em chúng tôi thì ôm chặt lấy nhau gào khóc đến khản giọng. Năm ấy, tôi mới tròn 7 tuổi. Đó là cái Tết Noel sầu thảm nhất trong đời.

Cái chết đột ngột của cha tôi khiến cả gia đình lâm vào cảnh khốn cùng. Bởi từ trước đến nay, cha tôi là người kiếm tiền nuôi cả nhà. Mẹ chỉ lo việc cơm nước, giặt rũ, lau nhà, chăm sóc các con. Nay cha mất chẳng khác chi trụ cột ngôi nhà sụp đổ, cả nhà điêu đứng, tan hoang.

Tôi vẫn nhớ mẹ tôi lúc đó chỉ nhận được khoản trợ cấp 200 phờ-răng. Số tiền này so với thời giá lúc đó quá ít ỏi, chỉ đủ nuôi sống cả nhà được vài ngày. Vì thế, mẹ tôi vượt nước mắt, tạ tội với linh hồn cha, bắt cả bốn anh chị em chúng tôi phải nghỉ học. Chị Suzi và anh Claude phải đi làm. Anh Georges Vĩnh San đăng lính. Riêng tôi, dù còn nhỏ cũng phải cùng mẹ lao động cực nhọc.

Làm việc quần quật suốt ngày đêm mà nghèo vẫn hoàn nghèo. Cái đói vẫn bám riết lấy chúng tôi. Vì thế, năm 1955, mẹ đánh liều, rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, đưa cả nhà qua Madagascar sinh sống. Mười năm sau, gia đình tôi lại làm một cuộc di cư đến nước Pháp và cùng định cư cho đến ngày nay.



**Phần mộ vua Duy Tân ở Huế (Tuổi Trẻ)**

Lúc ở Madagascar, tôi làm nghề rải đường. Thu nhập ổn định nhưng công việc vô cùng cực nhọc. Được cái sức trai trẻ nên tôi làm miết ngày đêm. Tiền kiếm được bao nhiêu, tôi mang về đưa hết cho mẹ. Vì thế, sinh hoạt gia đình cũng khá hơn. Đến khi chuyển về Pháp, tôi xin làm chân lái xe vận tải trong sân bay Charles-de-Gaulle ở Paris. Thu nhập khá cao, túi tiền rủng rỉnh, lại sống một mình nên tôi bắt đầu tìm đến những chỗ ăn chơi. Gần 30 tuổi đời, tôi mới biết đến quầy bar, vũ trường. Tôi giao du rộng, tính tình xởi lởi nên rất đông bạn bè. Ai cũng quý mến tôi, thích đi chơi với tôi.

Chơi bời được vài năm cũng thấy chán. Ở một mình nhiều lúc cũng thấy trống trải, cô đơn. Năm 1970, 32 tuổi, tôi cưới vợ. Vợ tôi là tiến sĩ hóa, công tác ở Trung tâm hạt nhân nguyên tử Pháp. Cô ấy khá xinh đẹp, thông minh nhưng mắc bệnh trầm cảm, rất dễ bị kích động, nổi nóng. Cứ chớm phật ý một tý là cô ấy nổi xung, quát mắng, gào thét, đập phá. Nhiều lần, nhà tôi ngổn ngang như chiến trường sau mỗi lần nổi xung khủng khiếp. Chịu đựng hết nổi, tôi quyết định ly hôn, kết thúc cuộc hôn nhân địa ngục kéo dài suốt 10 năm.

Ngẫm lại, tôi thấy, đời mình thật lạ. Cứ sau mỗi chu kỳ 10 năm lại có một bước ngoặt lớn trong đời. Ví như 10 năm sau ngày cha tôi mất, mẹ tôi quyết định rời bỏ quê cha đất tổ La Réunion đến

xứ lạ Madagascar mưu sinh những mong thoát cảnh đói nghèo. Ở đó, bán mặt cho đất bán lưng cho trời đúng 10 năm, mẹ tôi và tôi lại quyết định làm cuộc di cư đến Kinh đô ánh sáng tìm vận may. Và rồi, ở chính thủ đô Paris tráng lệ, hào hoa, cuộc hôn nhân kinh hoàng của tôi kéo dài đúng 10 năm thì kết thúc. Tôi chợt nhớ đến ngày sinh đầy giông gió, bão giạt, mưa giông, sấm chớp ùng ùng, biển động dữ dội của mình, nhớ đến lời tiên tri của vua cha Duy Tân: "*Số thằng này sau này vất vả, gian truân lắm đây*" mà lòng đầy lo âu nặng trĩu. Biết đến bao giờ đời mình mới hết vất vả, gian truân?

10 năm sống trong căng thẳng, sợ hãi và đau khổ nhưng cuộc chia tay lại diễn ra vô cùng nhẹ nhàng, chóng vánh. Tài sản chúng tôi chia đôi. Thời gian, vật lực chăm sóc hai cậu con trai, chúng tôi cũng chia đôi. Cô ấy chăm sóc, đón đưa hai đứa những ngày đầu tuần. Tôi chịu trách nhiệm chăm sóc hai đứa những ngày cuối tuần.

Và chính những lần đến đón đưa hai cháu ở nhà cô bảo mẫu, tôi đã để ý và phải lòng cô ấy lúc nào không hay. Cô ấy tên là Lebreton Marguerite, kém tôi 3 tuổi, cũng từng đổ vỡ hôn nhân, có 3 con riêng, hai gái, một trai. Cô ấy là người giản dị, hiền lành, phúc hậu, giàu tình thương. Hai đứa con tôi, khi đó, một đứa mới 7 tuổi, một đứa 4 tuổi, được cô ấy chăm sóc, thương yêu như con đẻ. Đã từng đi qua những đổ vỡ nên chúng tôi đến với nhau một cách thận trọng. Sau mấy năm tìm hiểu kỹ lưỡng, thấy rằng đã hiểu sâu sắc về nhau, chúng tôi mới đến tòa thị chính đăng ký kết hôn. Cô ấy là người Pháp nhưng vì hiểu tôi, thương tôi nên đã dành rất nhiều thời gian tìm hiểu về lịch sử Việt, văn hóa Việt. Thấm thoát đã hơn 40 năm trôi qua. Càng sống, chúng tôi càng hiểu nhau, thương nhau. Hạnh phúc vì thế càng thêm vững bền.

Có điều, tuy sinh ra và lớn lên tại La Réunion, đến làm việc tại Madagascar suốt 10 năm, rồi chuyển sang làm việc ở Pháp cho đến tận lúc nghỉ hưu nhưng trong trái tim tôi, đất nước Việt Nam, quê nhà Việt Nam luôn là 2 tiếng thiêng liêng. Bởi nửa dòng máu Việt vẫn đang chảy trong tôi và tâm hồn Việt vẫn hiển hiện trong tôi, bắt đầu từ những thói quen đời thường, nhất là văn hóa ẩm thực.

Từ bé, quê hương Việt Nam đã rất thân quen với tôi qua những món ăn dân dã của Việt Nam do mẹ nấu. Sau này, trưởng thành, đi nhiều nơi, tôi đều tự nấu cho mình các món ăn Việt. Tôi nấu rất ngon. Và chính tình yêu Việt Nam ấy đã lan truyền sang người bạn đời của tôi. Từ sự ngưỡng mộ khi lần đầu tiên cầm đôi đũa, đến nay, không những bà Lebreton Marguerite đã quen với món ăn Việt mà còn có thể nấu khá ngon các món ăn Việt Nam. Bữa ăn thường ngày của chúng tôi đều là các món ăn Việt. Cũng chính từ tình yêu ấy mà bà Lebreton Marguerite đã nguyện cùng tôi trở về sống trọn đời ở Việt Nam.

**Nhà báo Hoàng Anh Sướng:** *Điều gì đã khiến ông quyết định trở về Việt Nam sống trọn đời?*

**Hoàng tử Vĩnh San Joseph:** Chim có tổ, người có tông. Như cây có cội, như sông có nguồn. Năm 1987, sau khi đưa di hài của cha tôi, vua Duy Tân về an táng trọng thể tại An Lăng, Huế, chấm dứt hành trình lưu đày 70 năm ở xứ người của một ông vua yêu nước thất cơ lỡ vận, tôi về Việt Nam thường xuyên hơn.

Những chuyến về Việt Nam ban đầu mang ý nghĩa hành hương bái yết tổ tiên, ra mắt bà con dòng họ, dần dà đã trở thành thông lệ thường xuyên, thành thói quen, thành niềm vui lẽ sống của tôi, một người con sống xa quê hương. Tôi đã nhiều lần trở về Việt Nam để tìm lại gia phả, gốc gác, cội nguồn. Từ trong sâu thẳm, tôi luôn nghĩ mình là một người con của quê cha đất tổ tìm về cội nguồn vì cha tôi là một người Việt Nam yêu nước. Năm 2005, sau khi nghỉ hưu, vợ chồng tôi đã quyết định ở lại Việt Nam để an dưỡng tuổi già. Và thành phố biển Nha Trang xinh đẹp là nơi mà chúng tôi dự định gắn bó đến cuối đời.



**An Lăng - lăng mộ của các vua Dục Đức, Thành Thái, Duy Tân**

**(Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế)**

**Nhà báo Hoàng Anh Sương:** Tại sao ông lại chọn thành phố Nha Trang?

**Hoàng tử Vĩnh San Joseph:** Tôi thấy cuộc sống ở Nha Trang rất dễ chịu, thoải mái. Phong cảnh nơi đây thật hữu tình. Khí hậu điều hòa, không ẩm ướt hay quá nhiều mưa, môi trường trong lành, con người tốt bụng, hiền lành, mộc mạc. Hồi mới về đây, vợ chồng tôi thuê một căn hộ trong một

con hẻm nhỏ trên đường Lê Hồng Phong, rồi chuyển đến đường Bắc Sơn ở khu vực Hòn Chồng, và nay là trên đường Nguyễn Phong Sắc, thuộc khu dân cư mới mở phía nam đèo Rù Rì cách trung tâm thành phố 8 km về phía Bắc. Nơi ở mới thật yên tĩnh và trong lành, kín đáo mà lại rất thoáng đãng, tràn ngập nắng gió. Trước cổng nhà, tôi đóng tấm bảng nhỏ trên tường ghi rõ "Mr & Mrs Vĩnh San Joseph". Ở thành phố này, việc người nước ngoài đến sinh sống đã trở nên quá đỗi quen thuộc nên những người hàng xóm rất thân thiện, gặp chúng tôi là chào ông, chào bà. Có điều, họ không hề biết tôi xuất thân từ hoàng tộc.

*Nhà báo Hoàng Anh Swóng: Chắc hẳn ông bà rất hài lòng với cuộc sống ở đây?*

**Hoàng tử Vĩnh San Joseph:** Chúng tôi rất hài lòng. Cuộc sống thực sự thư thái và an nhàn nơi phố biển. Hai con trai của tôi giờ đều đã trưởng thành nên bây giờ là lúc chúng tôi tận hưởng cuộc sống. Sáng sớm và chiều tối, chúng tôi tay trong tay, an nhàn tản bộ, ngắm hoàng hôn buông dần trên mặt biển, cảm nhận nhịp sống bình yên, êm ả pha lẫn một chút sôi động của phố biển. Thỉnh thoảng, tôi chở bà ấy đi chơi, đi mua sắm bằng xe máy hay tạt vào một vỉa hè nào đấy ăn uống đúng kiểu bình dân. Nếu không, hai vợ chồng ở nhà đọc sách, xem ti vi hoặc cùng lên mạng internet xem báo, viết thư điện tử.

*Nhà báo Hoàng Anh Swóng: Bà Lebreton Marguerite tự đi chợ hằng ngày sao?*

**Hoàng tử Vĩnh San Joseph:** Ô không! Bà ấy chỉ thỉnh thoảng thôi. Tôi mới thường xuyên. Vì bà ấy vẫn chưa quen cách tính tiền Việt, đi chợ cứ nhầm lẫn. Và lại ngôn ngữ ta phong phú quá. Ví dụ món hàng giá 25.000 đồng thì chỗ này nói hai năm, chỗ kia nói hai mươi lăm, chẳng biết đường nào mà lẫn. Bà nhà tôi nấu ăn rất ngon, nhất là các món Việt.

*Nhà báo Hoàng Anh Swóng: Sau hơn 40 năm chung sống, tôi vẫn thấy tình yêu thương ông bà dành cho nhau thật nồng ấm. Mỗi khi nhắc đến ông, bà Lebreton Marguerite thường nói: "Je suis très fier". (Tôi rất tự hào). Bà không ngừng lặp lại điều đó và niềm hạnh phúc vẫn còn ngời ngời trong ánh mắt mỗi khi hướng về phía ông. Ông có bí quyết gì để giữ gìn, nuôi dưỡng hạnh phúc?*

**Hoàng tử Vĩnh San Joseph:** Tôi thật may mắn khi lấy được một người vợ hiểu mình, thương mình hết mực. Anh có tin không? Suốt hơn 40 năm qua, sáng nào bà ấy cũng đích tay pha cà phê, nấu đồ ăn sáng rồi bung vào tận giường cho tôi. Bà ấy làm một cách tự nguyện và hạnh phúc. Anh hỏi tôi có bí quyết gì ư? Không. Tôi chẳng có bí quyết gì ghê gớm. Tôi nghĩ, điều quan trọng nhất để duy trì hạnh phúc là hai người phải hiểu nhau để rồi cảm thông, độ lượng, bao dung trước những thói hư, tật xấu của nhau. Nếu không hiểu nhau, cảm thông cho nhau, không thể yêu thương nhau dài lâu được. Vì trong mỗi chúng ta, ai chẳng có điều hay, điều dở. Nếu không hiểu nhau, chấp nhận những cái hay cái dở của nhau thì cuộc sống chỉ toàn là hờn giận, trách móc.



**Hoàng tử Vĩnh San Joseph (Tuổi Trẻ & Đời Sống)**

Tôi vẫn thường nói với bà ấy là tình yêu cũng giống như cái cây, cần phải chăm sóc, tưới mát nó hàng ngày. Nguồn nước tưới tắm tốt nhất đó chính là sự quan tâm, săn sóc, là ái ngữ, là những lời nói yêu thương. Hơn 40 năm chung sống với nhau, điều đầu tiên vợ chồng tôi làm mỗi sáng thức dậy là trao nhau một nụ hôn và lời nói: "Anh yêu em". "Em yêu anh". Có những chiều ngồi ôm nhau trên bờ cát trắng ngắm hoàng hôn, tôi nhìn sâu vào mắt bà ấy rồi bảo: "Em thấy không. Cảnh sắc nơi đây đẹp như chốn thiên đường. Và thiên đường ấy chỉ có mỗi hai ta, anh và em. Cảm ơn cuộc đời đã sinh ra em. Cảm ơn thượng đế đã mang em đến cho anh". Tôi thấy, nhiều khi, những lời nói yêu thương trôn thành ấy lại khiến cho bà ấy xúc động nhất, hạnh phúc nhất, hơn bất cứ món quà vật chất nào. Nó nuôi dưỡng tình yêu của chúng tôi nhiều lắm. Cho nên, theo tôi, muốn có hạnh phúc xin đừng tiết kiệm lời nói yêu thương.

**Nhà báo Hoàng Anh Sáng:** *Sống với nhau hơn 40 năm, ông bà có giận dỗi nhau bao giờ không?*

**Hoàng tử Vĩnh San Joseph:** Có chứ. Đến cái bát cái đĩa đặt cạnh nhau còn có lúc va chạm, sứt mẻ nữa là. Điều quan trọng là phải nhận ra lỗi lầm của mình và bày tỏ lời xin lỗi với đối phương.

**Nhà báo Hoàng Anh Sáng:** *Xác định gần bó đến cuối đời ở Nha Trang, sao ông bà không mua nhà mà phải đi thuê mãi như thế này?*

**Hoàng tử Vĩnh San Joseph:** Đồng lương hưu của một công chức chỉ đủ giúp cho chúng tôi thuê một căn nhà nhỏ và sống bình dị thế này thôi.

*Nhà báo Hoàng Anh Sướng: Ông có bao giờ buồn vì mình là dòng dõi hoàng tộc mà cuộc sống lại giản dị, khiêm nhường thế này không?*

**Hoàng tử Vĩnh San Joseph:** Không! Không bao giờ! Hồi nhỏ, khi còn sống ở đảo La Réunion, bọn học cùng lớp thấy tôi nghèo đói, rách rưới đã hỏi: "Ê! Sao mày là hoàng tử, con ông vua Tàu mà lại nghèo thế?". Tôi cười bảo: "Thì tao sinh ra đã thế. Biết làm sao?". Sau này, lớn lên, lúc làm ở sân bay Charles-de-Gaulle, tiền kiếm rủng rỉnh, tôi lao vào ăn chơi. Bạn bè đông không biết bao nhiêu mà kể. Ai cũng muốn chơi với tôi, kết thân với tôi. Nhưng sau này, khi có gia đình, không còn nhiều tiền mời bạn bè ăn chơi nữa, họ xa lánh tôi. Bẵng đi một thời gian, chẳng còn thấy mặt mũi ai nữa. Khi ấy, tôi chợt hiểu, vì sao các cụ ngày xưa lại gọi đồng tiền là tiền bạc. Tiền quan trọng thật đấy nhưng nhiều khi nó cũng bạc lắm. Nhiều khi nó khiến mắt ta nhòe mờ, không nhìn rõ được chân tướng của sự việc, sự vật.

Tôi thấy nhiều người không dư dả về tiền bạc, ra ngoài cứ rúm ró, tự ti. Tôi thì không. Với tôi, hạnh phúc nằm chính trong sự giản đơn. Càng đơn giản bao nhiêu, càng dễ có nhiều hạnh phúc bấy nhiêu. Hạnh phúc không nằm trong tiền bạc. Hạnh phúc nằm ở trong tâm. Tâm mình an, tâm mình lạc thì khi ấy, mình đích thực là người có hạnh phúc.

*Nhà báo Hoàng Anh Sướng: Ông có điều gì tiếc nuối không?*

**Hoàng tử Vĩnh San Joseph:** Chúng tôi đã già rồi nên chẳng mong muốn gì cho riêng mình. Điều tiếc nuối duy nhất là tôi không biết tiếng Việt. Nếu biết tiếng Việt, tôi đã có thể dạy tiếng Pháp cho trẻ em nghèo ở Nha Trang. Sống ở đây một thời gian, tôi cứ giật mình tự hỏi: vì sao ngày càng có nhiều bạn trẻ thờ ơ với lịch sử nước nhà đến vậy. Nguy hiểm quá.

Tôi luôn nghĩ mình là một người con của quê cha đất tổ tìm về cội nguồn vì cha tôi là một người Việt Nam yêu nước. Từ tận đáy lòng, tôi mong được mọi người nhìn nhận như một người Việt hơn là một Việt kiều. Năm 1988, trong chuyến viếng thăm quê chồng, mẹ tôi - bà Fernande Antier - đã ước ao sớm khôi phục lại những con đường mang tên Duy Tân ở Việt Nam. Tạ thế vào năm 2005, có lẽ giờ này ở tuổi vàng mẹ tôi cũng mãn nguyện phần nào khi đã xuất hiện những con đường mang tên ông ở một số địa phương.